

Số tham chiếu: 60755038/19509118-BCTTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập ngày 5 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 3 đến trang 8, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và công ty con. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 5 tháng 2 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – “Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt”.

802-
NG T
NH
& Y
T N
NH
NỘ
M -

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng và công ty con đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và phù hợp với quy định tại Khoản 11, Điều 1, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2466-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.574.284	1.727.361
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6.460.795	2.982.589
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	17.520.025	9.388.905
Tiền gửi tại các TCTD khác	15.218.720	4.089.176
Cho vay các TCTD khác	2.302.036	5.300.460
Dự phòng rủi ro	(731)	(731)
Chứng khoán kinh doanh	1.424.854	2.952.206
Chứng khoán kinh doanh	1.424.854	2.953.769
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(1.563)
Cho vay khách hàng	179.518.809	142.583.251
Cho vay khách hàng	182.666.213	144.673.213
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(3.147.404)	(2.089.962)
Chứng khoán đầu tư	53.558.049	55.339.988
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	50.384.788	51.948.658
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.151.127	4.136.200
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(977.866)	(744.870)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	152.506	222.930
Đầu tư dài hạn khác	194.602	299.372
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(42.096)	(76.442)
Tài sản cố định	808.486	624.197
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>457.682</i>	<i>422.772</i>
Nguyên giá tài sản cố định	1.090.758	939.411
Khấu hao tài sản cố định	(633.076)	(516.639)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>350.804</i>	<i>201.425</i>
Nguyên giá tài sản cố định	623.226	392.849
Hao mòn tài sản cố định	(272.422)	(191.424)
Bất động sản đầu tư	-	27.162
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	29.965
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	(2.803)
Tài sản Có khác	15.734.506	12.922.329
Các khoản phải thu	8.539.528	5.588.814
Các khoản lãi, phí phải thu	3.812.015	4.165.577
Tài sản Có khác	3.404.366	3.395.320
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	<i>-</i>	<i>12.485</i>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác	(21.403)	(227.382)
TỔNG TÀI SẢN	277.752.314	228.770.918

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	26.015	1.103.686
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	33.200.418	28.835.898
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	7.834.381	13.437.105
Vay các tổ chức tín dụng khác	25.366.037	15.398.793
Tiền gửi của khách hàng	133.550.812	123.787.572
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	160.469	191.325
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	3.899.364	1.389.786
Phát hành giấy tờ có giá	66.104.605	48.650.527
Các khoản nợ phải trả khác	11.114.921	7.634.596
Các khoản lãi, phí phải trả	5.063.166	3.161.924
Các khoản phải trả và công nợ khác	6.051.755	4.472.672
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	248.056.604	211.593.390
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn điều lệ	15.706.230	9.181.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.866.105	1.288.863
Các quỹ dự trữ	3.558.265	2.950.192
Lợi nhuận chưa phân phối	4.565.110	3.757.473
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.695.710	17.177.528
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	277.752.314	228.770.918

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Triệu đồng
Cam kết bảo lãnh vay vốn	3.792	12.108
Cam kết giao dịch hối đoái	76.976.531	33.307.126
- Cam kết mua ngoại tệ	369.768	3.687.797
- Cam kết bán ngoại tệ	370.388	3.669.239
- Cam kết giao dịch hoán đổi	76.236.375	25.950.090
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.801.290	6.356.322
Bảo lãnh khác	11.590.623	11.585.463
Các cam kết khác	7.034.321	2.334.851
	104.406.557	53.595.870

Người lập: 

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vĩnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 2 năm 2018

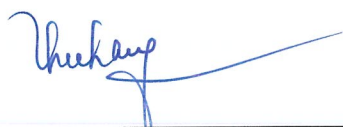
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03/TCTD-HN

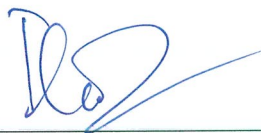
	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	34.133.371	25.631.116
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(13.518.945)	(10.463.257)
Thu nhập lãi thuần	20.614.426	15.167.859
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.210.071	2.114.834
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.748.527)	(1.261.908)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.461.544	852.926
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(158.842)	(318.960)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	179.638	(149.384)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	339.477	91.874
Thu nhập từ hoạt động khác	3.208.782	1.450.885
Chi phí cho hoạt động khác	(672.502)	(232.315)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.536.280	1.218.570
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	53.568	872
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	25.026.091	16.863.757
Chi phí cho nhân viên	(5.060.266)	(3.430.934)
Chi phí khấu hao	(244.832)	(177.433)
Chi phí hoạt động khác	(3.589.872)	(3.012.985)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(8.894.970)	(6.621.352)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	16.131.121	10.242.405
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(8.001.058)	(5.313.094)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	8.130.063	4.929.311
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.689.296)	(994.266)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.689.296)	(994.266)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	6.440.767	3.935.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.564	2.843

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiêm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 2 năm 2018